TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/TCDS-ST
Ngày 23 - 4 - 2020
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hòa
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST-TCDS ngày 24/12/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-TCDS ngày 14/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1972

Nơi cư trú: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

2. Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Tại phiên tòa, có mặt hai bên đương sự

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Hoàng Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên chị T đã cho chị Trần Thị L vay tiền để đầu tư làm ăn. Sau nhiều lần vay tiền thì đến ngày 20/5/2018 (Dương lịch), chị T và chị L đã viết Giấy mượn tiền để chốt tổng số tiền mà chị L đã vay, đã trả và số tiền hiện chị L còn nợ của chị T, cụ thể: Chị L đã vay chị T số tiền là 614.000.000 đồng; đã trả cho chị T 130.000.000 đồng. Số tiền hiện tại mà chị L

còn nợ chị T là 484.000.000 đồng. Mặc dù chị T đã nhiều lần yêu cầu chị L phải trả số nợ còn lại trên cho chị T nhưng chị L không trả mà cố tình trốn tránh, không chịu trả nợ. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị L trả một lần hết toàn bộ số tiền nợ gốc cho chị là 484.000.000 đồng. Ngoài ra, chị không yêu cầu chị L phải trả lãi.

Về phía bị đơn, tại bản tự khai và quá trình hòa giải, chị Trần Thị L trình bày: Chị thừa nhận chị đã vay của chị T tổng số tiền là 614.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị đã trả cho chị T 130.000.000 đồng. Hiện, chị còn nợ chị T 484.000.000 đồng. Nay chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị phải trả số tiền nợ còn lại cho chị T là 484.000.000 đồng thì chị hoàn toàn đồng ý nhưng do điều kiện làm ăn khó khăn nên chị xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Quá trình hòa giải, hai bên không thống nhất được với nhau về nội dung vụ án nên Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, hai bên đương sự đều giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Giữa chị Hoàng Thị T và chị Trần Thị L có thỏa thuận cho vay tài sản và có Giấy mượn tiền bằng văn bản viết tay, sau đó thì phát sinh tranh chấp. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền vay mà chị T khởi kiện chị L là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị L có địa chỉ cư trú tại khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung của vụ án:

Theo sự thống nhất trình bày của chị Hoàng Thị T và chị Trần Thị L thì vào ngày 20/5/2018 (Dương lịch), chị T và chị L đã viết Giấy mượn tiền để chốt tổng số tiền mà chị L đã vay, đã trả và số tiền hiện chị L còn nợ của chị T, cụ thể: Chị L đã vay chị T số tiền là 614.000.000 đồng; đã trả cho chị T 130.000.000 đồng và số tiền hiện tại mà chị L còn nợ chị Tình là 484.000.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, trong các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị L đều thừa nhận

yêu cầu khởi kiện cũng như các chứng cứ mà chị Hoàng Thị T đưa ra. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên chị L xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ. Chị T không đồng ý với phương thức thanh toán nợ mà chị L đề nghị.

Xét thấy Giấy vay tiền ngày 20/5/2018 (Dương lịch) giữa chị T và chị L được lập thành văn bản, xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có nội dung phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên hoàn toàn hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình vay tiền, chị L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị T mà cố tình dây dưa kéo dài việc trả nợ, gây thiệt hại đến quyền lợi của chị T nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị L là có căn cứ, cần chấp nhận để buộc chị L phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 484.000.000 đồng cho chị T theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Về lãi suất:

Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị Tình không yêu cầu chị Lan phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ khi chị Lan vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T được chấp nhận nên chị Trần Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 23.360.000 đồng. Tuy nhiên, chị L có Đơn xin giảm một phần án phí, trình bày hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, vì vậy, cần giảm ½ tiền án phí cho chị L là hoàn toàn phù hợp.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Hoàng Thị T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 271, 273; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc chị Trần Thị L phải trả cho chị Hoàng Thị T số tiền 484.000.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi tư triệu đồng)*.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thị L phải nộp 11.680.000 đồng *(Mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho chị Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí 11.680.000 đồng *(Mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)* mà chị T đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002488, ngày 19/12/2019.

"Kể từ ngày tếp theo ngày tuyên án sơ thẩm hoặc từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho người được thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà